

HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK LẮK: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Đỗ Thị Nhài^{1*}, Mai Thanh Hương¹, Bạch Văn Thủy¹, Đinh Văn Thắng², Mai Tiến Huy²

¹*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Viện Kinh tế và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: dtnhai@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.06.2020

Ngày chấp nhận đăng: 24.08.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk trên các khía cạnh và dưới góc nhìn của các bên liên quan. Thông tin, số liệu bài báo sử dụng được thu thập từ khảo sát 49 cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề, 40 cơ sở đào tạo nghề, 223 giáo viên, 450 học viên học nghề và 15 đơn vị sử dụng lao động được khảo sát thông qua bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu, đồng thời các phương pháp thống kê mô tả, phân tổ thống kê và phương pháp cho điểm cũng được sử dụng để phân tích, đánh giá. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ những khía cạnh, góc nhìn khác nhau thì khác nhau. Tuy vậy, muốn nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này tại tỉnh, trong thời gian tới, cần tập trung triển khai các giải pháp chính như nâng cao chất lượng công tác dự báo nhu cầu và xây dựng chỉ tiêu đào tạo; Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua xây dựng chương trình đào tạo, phương pháp linh hoạt và phù hợp, đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo, đãi ngộ đội ngũ giáo viên; Nghiên cứu đào tạo những ngành nghề mới có tiềm năng và khai thác lợi thế cũng như gắn với chương trình, kế hoạch phát triển của địa phương; Hỗ trợ người lao động sau đào tạo trong giải quyết việc làm và tự tạo việc làm.

Từ khóa: Đào tạo nghề, lao động nông thôn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hiệu quả đào tạo nghề, Đắk Lắk.

Efficiency of Vocational Training for Rural Labors in Dak Lak Province: Current Status and some Solutions

ABSTRACT

This study was to evaluate the efficiency of vocational training for rural labor in Dak Lak province based on different perspectives and participants' views. The respondents involved are 49 Officials of the State Management of Vocational Training, 40 vocational training institutions, 223 teachers, 450 vocational trainees and 15 employers. In gathering the data, a survey with questionnaires and interviews was conducted. In the analysis of the data collected, descriptive, statistical division, and scoring methods were used. Results showed that the vocational training for rural labor in the province of Dak Lak had achieved certain results and this effect is different when viewed in the different respects. However, in order to further improve the efficiency of this activity in the province, it is necessary to focus on implementing key solutions such as: improve the quality of demand forecasting and building training quotas; strengthen the quality of training via building flexible and appropriate training programs and methods, at the same time increasing investment in facilities, training, and remuneration for teachers; Apply new training fields with potentials, advantages of each locality and take them in to local development plans and programs; support post-trained labors in job creation and self-employment.

Keywords: Vocational training, rural labor, vocational training for rural labors, effective vocational training, Dak Lak.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, từ đó tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (gọi tắt là Đề án 1956) đã được triển khai từ năm 2010 với tổng kinh phí hỗ trợ lên tới 26.000 tỷ đồng. Đề án được kỳ vọng là sẽ đào tạo được lượng lớn lao động và giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, cho đến nay, sau gần 10 năm thực hiện, hiệu quả của đề án này vẫn còn chưa như kỳ vọng. Theo kết quả khảo sát 38 lớp đào tạo nghề ở các tỉnh Lào Cai, Hòa Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Ninh Thuận, Đắk Nông và Trà Vinh trong giai đoạn 2010-2016 cho thấy có 34% số lớp mang lại hiệu quả tốt, 29% số lớp mang lại hiệu quả ở mức trung bình. Tuy vậy, ở các lĩnh vực đào tạo khác nhau thì hiệu quả đào tạo khác nhau, đặc biệt ở những lớp đào tạo nghề nông nghiệp được cho là mang lại hiệu quả hơn các lớp phi nông nghiệp với 23% số lớp dạy nghề nông nghiệp và 56% số lớp dạy nghề phi nông nghiệp được đánh giá là mang lại hiệu quả thấp (Oxfam, 2017).

Ở tỉnh Đắk Lắk, thực hiện Đề án đào tạo nghề theo đề án 1956, ngày 26/9/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2814/QĐ-UBND về Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017-2020 (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2016). Mặc dù những năm qua, công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đạt được một số thành tựu như tăng nhanh về quy mô, học viên tốt nghiệp nghề đã đáp ứng được nhu cầu nhất định về nhân lực có tay nghề của xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh còn chưa tương xứng với mục tiêu đặt ra, nguyên nhân là do những bất cập về công tác quản lý, nội dung và chương trình đào tạo của các trường, công tác xã hội hóa đào tạo nghề dẫn tới chất lượng đào tạo còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng, dẫn tới hiệu quả đào tạo còn chưa khả quan (Phạm Đức Chính, 2017).

Xuất phát từ thực tế trên, nghiên cứu này nhằm làm rõ thực trạng từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp bao gồm toàn bộ các văn bản, tài liệu, số liệu... được thu thập từ các nguồn khác nhau như sách, tạp chí, báo, báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk và các nghiên cứu có liên quan.

Số liệu sơ cấp được thu thập chủ yếu trong năm 2018 bằng việc sử dụng bảng hỏi để điều tra 19 cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề; đại diện 40 cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh và 223 giáo viên đào tạo nghề; 15 doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng và tiếp nhận lao động đã qua đào tạo; 225 học viên đang theo học và 225 học viên đã tốt nghiệp nghề. Đối tượng điều tra, phỏng vấn được xác định ngẫu nhiên dựa trên danh sách được cung cấp từ cơ quan quản lý có liên quan theo các lĩnh vực/ nghề được đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2.2. Xử lý và phân tích thông tin

Toàn bộ thông tin thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phản ánh xu thế về quy mô, chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các đối tượng nghiên cứu được phân tổ thành các nhóm nghề để so sánh và phân tích. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp chuyên gia chuyên khảo nhằm thu thập có chọn lọc ý kiến đánh giá về việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn của cán bộ quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện, đại diện các cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động. Từ đó rút ra nhận xét, đánh giá và gợi mở các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, phương pháp cho điểm theo thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để phản ánh ý kiến của học viên đã và đang học nghề đối về mức độ đáp ứng kiến thức và kỹ năng nghề, nội dung, chương trình đào tạo và cách thức tổ chức đào tạo...

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát mạng lưới đào tạo nghề của tỉnh Đắk Lắk

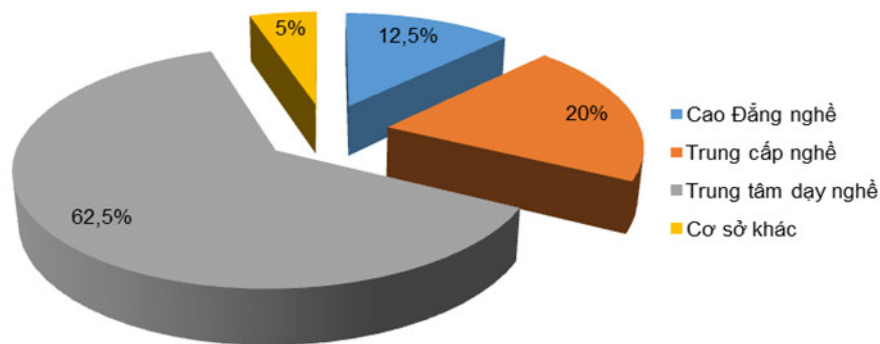
Hệ thống đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tương đối hoàn chỉnh với tổng số 40 cơ sở đào tạo bao gồm các cơ sở đào tạo từ cao đẳng, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề được phân bố cả ở nông thôn và thành thị. Các cơ sở đào tạo nghề đều tập trung ở thành phố (chiếm trên 60%), tạo điều kiện cho được trang bị cơ sở vật chất cũng như đảm bảo được chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, tỷ lệ cơ sở đào tạo là các trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề chiếm tỷ lệ lớn (trên 80%) đảm bảo đáp ứng nhu cầu được đào tạo

nghề ngắn hạn của lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề có trình độ cao.

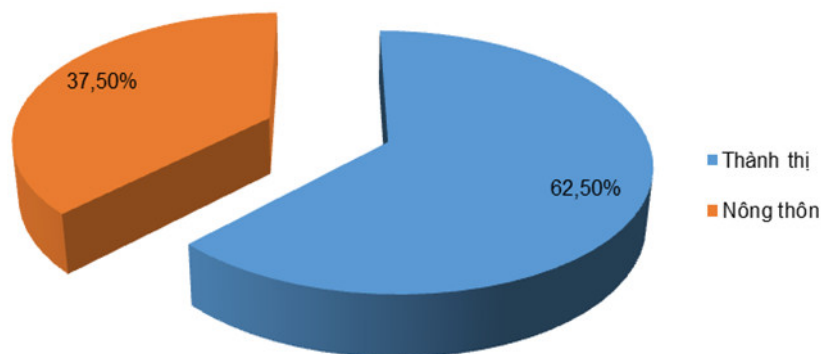
3.2. Hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Hiệu quả đào tạo nghề đánh giá từ cơ quan quản lý

Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Đắk Lắk trong hai giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020 chênh lệch không nhiều và có xu hướng giảm do biến động về kinh phí phân bổ cũng như sự nhu cầu đào tạo từ phía người lao động. Tuy nhiên, kết quả đạt được thấp hơn nhiều so với kế hoạch (Bảng 1). Từ sự khác biệt giữa kế hoạch và kết quả thực hiện có thể thấy, công tác dự báo nhu cầu chưa sát với thực tế, triển khai đào tạo còn gặp nhiều khó khăn và bất cập từ khâu tuyển sinh, tổ chức lớp học đến khâu giảng dạy... dẫn đến chưa tổ chức, thu hút được nhiều người lao động tham gia vào chương trình.



Hình 1. Cơ cấu CSDN phân theo cấp trình độ

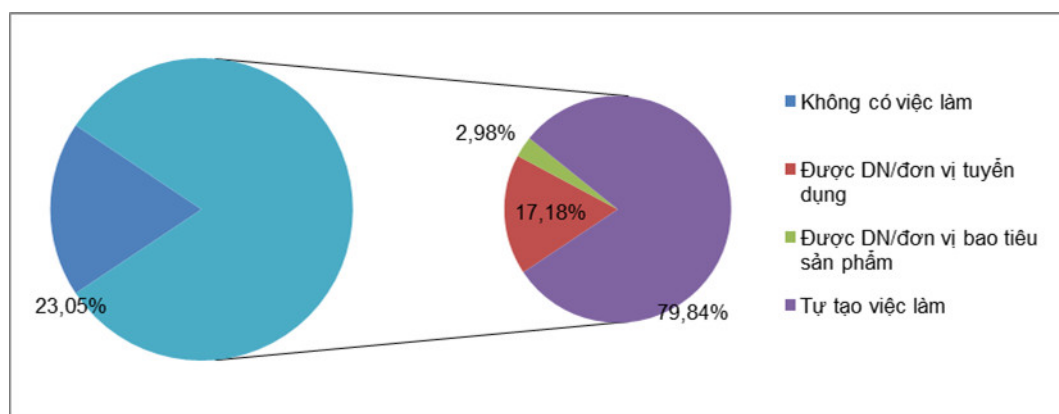


Hình 2. Cơ cấu CSDN phân bố theo khu vực

Bảng 1. Mức độ đáp ứng mục tiêu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2018

Diễn giải	ĐVT	Giai đoạn 2010-2015			Giai đoạn 2016-2020		
		Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Tỉ lệ đạt mục tiêu (%)	Mục tiêu	Kết quả thực hiện (tính BQ 2016 và 2018)	Tỉ lệ đạt mục tiêu (%)
Số lao động được đào tạo nghề BQ/năm	Lao động	9.000	3.26	35,8	8.240	2.656	32,2
Tỉ lệ có việc làm mới hoặc nghề cũ có năng suất, thu nhập cao hơn	%	70	71,4	102	80	80	100

Nguồn: Ban Chỉ đạo thực hiện quyết định 1956 và tính toán của nhóm nghiên cứu (2018).



Đồ đồ 3. Tỉ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề

Tuy tỷ lệ người lao động được đào tạo so với kế hoạch chỉ đạt trên 30% từ năm 2010-2018 nhưng tỷ lệ lao động có việc làm mới hoặc có năng suất lao động, thu nhập cao hơn lại chiếm tỷ lệ khá cao vượt và đạt chỉ tiêu đề ra (Bảng 1). Bên cạnh đó, tỉ lệ lao động sau đào tạo nghề có được việc làm mới hoặc có năng suất và thu nhập cao hơn ở cả hai giai đoạn luôn đạt 100%, nhưng nếu so sánh với số lượng lao động được đào tạo trên thực tế thì số lượng lao động sau đào tạo có việc làm hoặc cải thiện năng suất lao động, thu nhập vẫn chưa nhiều. Mặt khác, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề có việc làm tương đối cao, trung bình khoảng 76,95% nhưng 79,84% trong số đó là tự tạo việc làm (Biểu đồ 3). Điều này cho thấy, chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở tỉnh Đắk Lắk vẫn còn khá khiêm tốn.

Có sự khác nhau về cơ hội việc làm giữa lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp. Lao động đã tốt nghiệp các nghề nông nghiệp chủ yếu tìm đầu ra theo hướng tự tạo việc làm. Ngược lại, lao động học

các nghề phi nông nghiệp có xu hướng làm việc chủ yếu trong khu vực chính thức. (Bảng 2).

Vai trò của đào tạo nghề trong việc giúp lao động cải thiện thu nhập còn rất khiêm tốn với chỉ có hơn 4% lao động có cuộc sống thay đổi tích cực sau khi học nghề. Tỷ lệ lao động nông thôn sau khi học nghề đạt mức thu nhập khá và thoát nghèo chưa cao, đặc biệt là rất thấp đối với những lao động học nghề nông nghiệp. Như vậy, có thể thấy rằng, công tác đào tạo nghề chưa thực sự đạt được hiệu quả về việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người nghèo (Bảng 3). Bởi vì, sau khi học nghề lao động thuộc hộ nghèo vẫn khó tiếp cận được với các dịch vụ hỗ trợ giải quyết việc làm cũng như những hỗ trợ thiết yếu và những ưu đãi để vận dụng kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào phát triển sản xuất - kinh doanh của hộ.

3.2.2. Hiệu quả ĐTN cho LĐNT đánh giá từ cơ sở dạy nghề

Thống kê kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học cho thấy, đa số người học đạt xếp loại

từ khá trở lên (đạt trên 80%) (Bảng 4). Tuy vậy, theo đánh giá của giáo viên thì kiến thức và kỹ năng nghề của học viên còn ở mức thấp. Học viên chủ yếu đạt được ở hai mức thấp nhất là “Biết” và “Hiểu”, chỉ có khoảng 1/3 số học viên đạt tới mức “Vận dụng”. Phần lớn học viên có thể thực hành ở mức “Bắt chước” và “Làm theo chỉ dẫn”, số “Làm chuẩn xác” chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ 5-10%. Rất ít số học viên có thể “Phối

hợp các kỹ năng” hoặc có thể làm “Thành thạo”. Thực tế này chứng tỏ chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh còn nhiều hạn chế, khả năng phân tích và vận dụng thành thạo của học viên còn yếu (Bảng 5). So sánh với trên 80% học viên tốt nghiệp loại khá trở lên có thể thấy, hiệu quả trong đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh cần phải xem xét lại.

Bảng 2. Số lao động nông thôn có việc làm sau ĐTN giai đoạn 2010-2018 (Lao động)

Nhóm nghề	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Phương thức làm việc		
			Được doanh nghiệp/ đơn vị tuyển dụng	Được doanh nghiệp/ đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm
Nông nghiệp	4.954	3.996	120	200	3.676
Phi nông nghiệp	17.594	13.353	2.860	316	10.177
Tổng số	22.548	17.349	2.980	516	13.853

Nguồn: *Sổ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018, 2019).*

Bảng 3. Tác động của ĐTN tới thay đổi cuộc sống của hộ

Nhóm nghề	ĐVT	Tổng số	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
Số lao động học xong nghề	Lđ	22.548	4.954	17.594
Số lao động có cuộc sống thay đổi tích cực sau học nghề	Lđ	1.006	222	784
Tỉ lệ lao động có cuộc sống thay đổi tích cực sau khi học nghề	%	4,46	4,48	4,56
Số lao động thuộc hộ nghèo tham gia học nghề	Lđ	1.674	369	1.305
Số lao động thuộc hộ thoát nghèo sau khi học nghề	Lđ	202	41	161
Tỉ lệ lao động thuộc hộ thoát nghèo sau khi học nghề	%	12,07	11,11	12,34

Nguồn: *Sổ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018).*

Bảng 4. Kết quả tốt nghiệp của các lớp đào tạo nghề giai đoạn 2016-2018

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Số lượng (Lao động)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (Lao động)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (Lao động)	Tỉ lệ (%)
Tổng số lao động được đào tạo nghề	26.194	100	23.076	100	20.521	100
Xếp loại tốt nghiệp						
Trung bình	1.703	6,5	2.008	8,7	1.293	6,3
Trung bình - Khá	1.834	7	1.823	7,9	1.826	8,9
Khá	15.847	60,5	14.180	61,45	13.394	65,27
Giỏi	5.894	22,5	4.694	20,34	3.868	18,85
Xuất sắc	917	3,5	372	1,61	140	0,68

Nguồn: *Sổ Lao động-TB&XH tỉnh Đắk Lắk (2017, 2018, 2019).*

Bảng 5. Đánh giá của giáo viên về tỷ lệ người học đạt được các mức độ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình đào tạo nghề (%)

Nội dung	Các nhóm nghề và nghề					
	Nông nghiệp			Phi nông nghiệp		
	Trồng và chăm sóc tiêu	Chăn nuôi Heo	Trồng và khai thác nấm	Nghề may	Nghề xây dựng	Sửa chữa máy nông nghiệp
Kiến thức						
Biết	100	100	97	100	97	95
Hiểu	58	50	40	23	37	17
Vận dụng	33	25	10	5	5	0
Phân tích	0	0	0	0	0	0
Tổng hợp	0	0	0	0	0	0
Đánh giá	0	0	0	0	0	0
Không đạt các mức trên	0	0	3	0	3	5
Kỹ năng						
Bắt chước	100	100	100	100	100	100
Làm theo chỉ dẫn	75	80	67	60	58	55
Làm chuẩn xác	10	15	5	10	5	5
Liên kết phối hợp kỹ năng	0	0	3	0	2	3
Làm thành thạo	0	0	0	0	0	2

3.2.3. Hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn đánh giá từ phía người học

Nhìn chung, học viên nhận định mức độ đáp ứng kỳ vọng của bản thân trên các khía cạnh về nhu cầu, kiến thức và thực hành tất cả các ngành nghề ở mức trung bình. Ngoài ra cũng có sự khác biệt về mức độ đáp ứng kỳ vọng của người học khác nhau ở những ngành nghề khác nhau, tuy nhiên sự khác biệt này không quá rõ rệt. Đa số học viên đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của họ về kỹ năng thực hành nghề ở mức trung bình dẫn tới ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo cũng như việc đáp ứng mong muốn của người học đối với việc thực hành (Bảng 6). Như vậy, thực tế công tác đào tạo nghề ở tỉnh còn chưa đáp ứng được kỳ vọng hay đáp ứng được nhu cầu của người học. Điều này cho thấy đào tạo nghề ở tỉnh Đắk Lắk chưa thực sự hiệu quả như mong đợi.

Sau khi được đào tạo đã mang lại cho người lao động nông thôn trong tỉnh có những cải thiện nhất định trong việc có thêm việc làm mới, ứng dụng kiến thức mới vào sản xuất, kinh

doanh, mở rộng quy mô hay tăng thu nhập... Tuy vậy, tỷ lệ những cải thiện này chưa cao và có khác biệt giữa các nhóm ngành nghề khác nhau. Qua thực tiễn khảo sát cho thấy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bước đầu có những hiệu quả nhất định và mang lại những thay đổi tích cực đối với người lao động sau khi được đào tạo. Tuy vậy, mặc dù sau khi được đào tạo, tỷ lệ lao động có được việc làm mới, ổn định chưa cao, tỷ lệ lao động tăng thu nhập cũng chưa đạt so với kỳ vọng (Bảng 7). Nguyên nhân là do công tác hỗ trợ người lao động trong giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm cũng như những ưu đãi đối với người lao động qua đào tạo trong việc phát huy những kết quả có được sau quá trình đào tạo chưa tốt.

Đối với người lao động, sự cải thiện thu nhập sau khi tham gia đào tạo là mối quan tâm trọng tâm và cũng là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của đào tạo nghề. So sánh thu nhập của lao động trước và sau khi học nghề cho thấy, có sự cải thiện rõ rệt về thu nhập của người lao động

trước và sau khi được đào tạo ở cả nhóm nghề nông nghiệp và nhóm nghề phi nông nghiệp. Tuy nhiên, ở nhóm nghề phi nông nghiệp có khả năng tạo thu nhập cao hơn hẳn nhiên. Đáng chú ý, nghề trồng nấm được coi là ngành nghề mới được nghiên cứu đưa vào chương trình đào tạo cũng như nằm trong định hướng phát triển

của một vài địa phương thể hiện rõ nét về việc nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn (tăng 41,46%), trong khi những nghề khác chỉ làm thu nhập tăng thu nhập ở mức khiêm tốn. Tương tự, nhóm ngành phi nông nghiệp tỏ ra có ưu thế hơn khi làm thu nhập của người lao động tăng đáng kể (Bảng 8).

Bảng 6. Sự hài lòng của học viên đối với nghề đào tạo

Nhóm nghề	Mức độ đáp ứng nhu cầu về nghề cần đào tạo	Mức độ đáp ứng nhu cầu về kiến thức nghề	Mức độ đáp ứng nhu cầu về kỹ năng thực hành nghề
Nông nghiệp	3,5	3,32	2,88
Nghề tiểu thủ công nghiệp	3,3	3,25	3,01
Nghề công nghiệp	3,2	2,73	2,75
Nghề thương mại - dịch vụ	2,88	3,12	2,93

Bảng 7. Nhận định của học viên về hiệu quả đào tạo nghề

Nhóm nghề	Hiệu quả đào tạo	% Ý kiến trả lời
Nông nghiệp		
Chăn nuôi heo	Có thêm kiến thức mới	39,47
Trồng và chăm sóc cà phê	Áp dụng vào sản xuất hiện tại	52,63
Chăn nuôi bò	Mở rộng quy mô sản xuất	5,26
Trồng và chăm sóc cây cao su	Tăng thu nhập	40,23
Trồng và chăm sóc cây hồ tiêu		
Trồng lúa		
Trồng và khai thác nấm		
Chăn nuôi gà		
Chăn nuôi thú y		
Nghề tiểu thủ công nghiệp		
Dệt thổ cẩm	Có việc làm mới	28,62
Mây tre đan	Tận dụng được thời gian nông nhàn	45,31
Kỹ thuật điêu khắc gỗ	Có thêm thu nhập	52,15
	Bảo tồn được giá trị văn hóa truyền thống	11,21
Nghề công nghiệp		
May công nghiệp	Có cơ hội tìm kiếm/tự tạo việc làm mới	60,85
Xây dựng dân dụng	Chủ động trong sản xuất nông nghiệp	13,81
Sửa chữa máy nông nghiệp	Có cơ hội đi xuất khẩu lao động	5,12
May dân dụng	Cho thu nhập cao hơn	70,34
Sửa chữa xe gắn máy	Biết thêm nghề mới	7,32
Điện dân dụng		
Cơ khí - cắt gọt kim loại		
Nghề thương mại - dịch vụ		
Kỹ thuật nấu ăn	Biết thêm nghề mới	85,63
Vi tính văn phòng	Có cơ hội kinh doanh/tìm kiếm việc làm mới	14,37
	Tăng thu nhập	10,11

Như vậy, hiệu quả đào tạo nghề đối với người lao động còn khiêm tốn. Điểm nổi bật là, hiệu quả đào tạo nghề phụ thuộc vào sự đúng đắn và phù hợp với định hướng phát triển của địa phương. Những ngành nghề mới phù hợp với lợi thế và định hướng ở địa phương có thể được xem là những hướng đi và giải pháp trong nâng cao hiệu quả của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

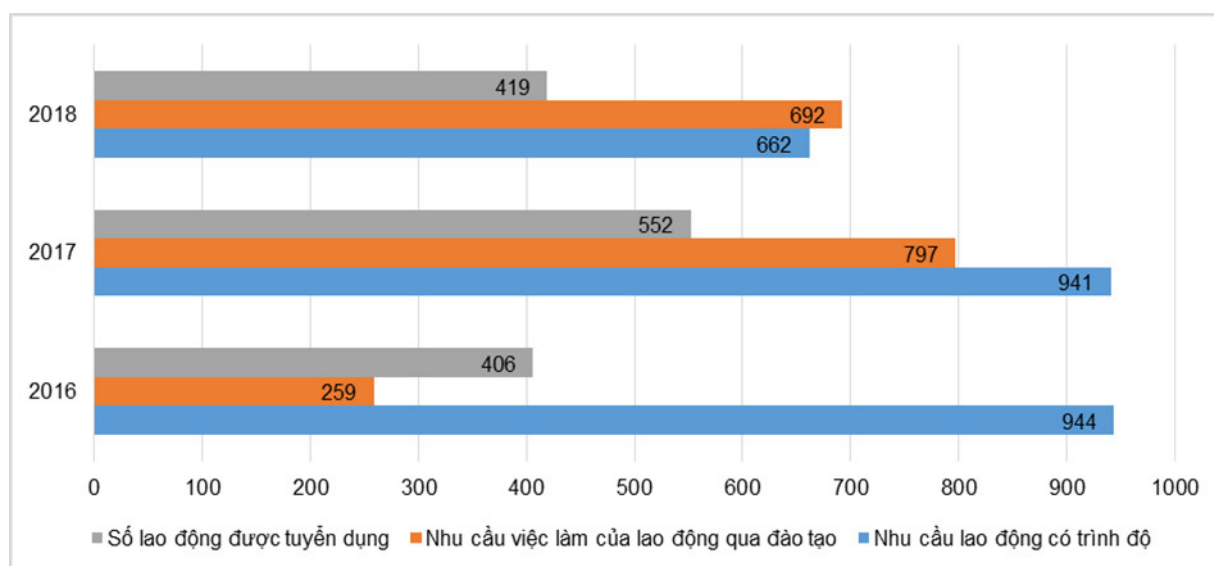
3.2.4. Hiệu quả đào tạo nghề từ đánh giá của đơn vị sử dụng lao động

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn sẽ hiệu quả nếu lao động qua đào tạo đáp ứng được những yêu cầu, tiêu chuẩn của người sử dụng lao động cũng như người lao động tìm được việc làm mong muốn. Nghiên cứu cho thấy, có sự

chênh lệch lớn giữa nhu cầu lao động qua đào tạo với số lượng lao động được tuyển dụng của doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng còn khá khiêm tốn, chỉ đáp ứng được khoảng trên 50% nhu cầu. Mặt khác, chỉ có 60-70% số lao động được tuyển dụng khi đến với Trung tâm Dịch vụ việc làm trong khi các đơn vị sử dụng lao động vẫn luôn thiếu lao động qua đào tạo. Nghịch lý này chứng minh, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động (Hình 4). Qua đây thấy được hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh đang như thế nào? Nguyên nhân là do nội dung, chương trình đào tạo cũng như quá trình đào tạo và loại hình ngành nghề đào tạo còn chưa phù hợp.

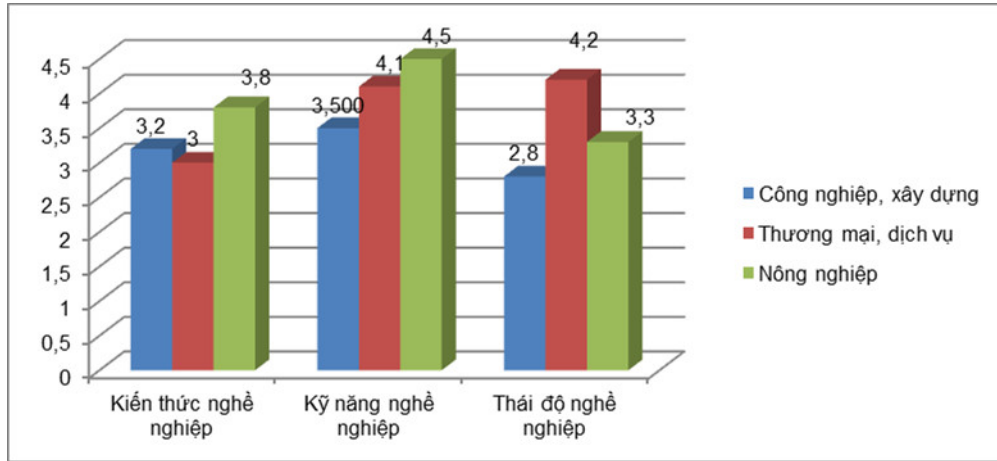
Bảng 8. So sánh thu nhập bình quân của người học trước và sau khi đào tạo

Chỉ tiêu	Tên nghề	Trước đào tạo (Trđ/tháng)	Sau đào tạo (Trđ/tháng)	Tỷ lệ tăng (%)
Nhóm nghề nông nghiệp	Nghề trồng và chăm sóc tiêu	6,3	7,3	15,87
	Nghề chăn nuôi heo	4,5	4,6	2,22
	Nghề trồng và khai thác nấm	4,1	5,8	41,46
Nhóm nghề phi nông nghiệp	Nghề may	5,02	5,75	14,54
	Nghề sửa chữa máy nông nghiệp	4,2	6,8	61,90
	Nghề xây dựng	5,85	7,51	28,38



Nguồn: Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk (2017; 2018; 2019).

Hình 4. Nhu cầu và tình hình tuyển dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp



Đồ đồ 5. Đánh giá của người sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc học sau đào tạo

Hiệu quả đào tạo nghề còn được thể hiện qua việc người lao động có đáp ứng yêu cầu và hoàn thành công việc hay hiệu quả công việc hay không. Qua khảo sát cho thấy, các doanh nghiệp đều nhận định lao động qua đào tạo có tinh thần làm việc cũng như kiến thức, kỹ năng nghề khá tốt. Tuy nhiên, ở những nhóm nghề khác nhau thì có sự khác nhau nhưng không quá lớn. Kết quả này chứng tỏ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Đắk Lắk đã đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động hay đã phần nào nâng cao được trình độ, kỹ năng cũng như tinh thần làm việc của một bộ phận lao động nông thôn trong tỉnh (Hình 5).

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất: Công tác điều tra dự báo nhu cầu đào tạo là chưa chính xác dẫn đến kết quả và hiệu quả đào tạo chưa được như mong muốn thậm chí gây thất thoát, lãng phí nguồn lực. Vì vậy, muốn nâng cao được hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh cần phải đổi mới và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo từ số lượng, loại ngành nghề đào tạo đến đối tượng đào tạo để có căn cứ, cơ sở khoa học, chính xác xây dựng chỉ tiêu đào tạo hàng năm của cả tỉnh và của từng huyện, từng xã... Có như vậy mới có thể nâng cao được hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh.

Thứ hai: Do thực tế vẫn còn sự chưa phù hợp giữa nội dung, chương trình đào tạo lẫn phương thức, phương pháp đào tạo, loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo so với nhu cầu thực tiễn. Nguyên nhân là do những quy định về danh mục ngành nghề đào tạo chưa linh hoạt, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên về cả chất lượng và số lượng chưa đáp ứng yêu cầu... Vì vậy, để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh thì trước hết, từ phía các cơ quan quản lý cần cụ thể hóa và quy định linh hoạt danh mục các ngành nghề đào tạo để các cơ sở đào tạo căn cứ tình hình tại địa phương xây dựng chương trình và tuyển sinh đào tạo các đối tượng và ngành nghề phù hợp. Cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và kinh phí đào tạo cho các cơ sở đào tạo. Bên cạnh đó, từ phía các cơ sở đào tạo cần linh hoạt đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thứ ba: Nghiên cứu chỉ ra rằng, những ngành nghề mới phù hợp với xu thế phát triển và lợi thế của địa phương được người lao động nhanh chóng tiếp nhận và nhanh chóng tìm được việc làm cũng như tự tạo việc làm và nâng cao đáng kể thu nhập. Do đó, để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, cần có những nghiên cứu lợi thế, xu hướng phát triển của mỗi địa phương và thiết kế đào tạo những ngành nghề mới; Mạnh dạn đề xuất danh mục những ngành nghề thế

mạnh của vùng, những ngành nghề có thể phát huy và khai thác được lợi thế cạnh tranh cũng như những nguồn lực sẵn có của vùng. Có như vậy, lao động nông thôn sau khi được đào tạo có thể có được việc làm tại chỗ cũng như tự tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng. Từ đó, việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn mới thực sự đạt được hiệu quả.

Thứ tư: Những ngành nghề mới phù hợp với lợi thế và xu thế phát triển của địa phương đem lại hiệu quả và tác động tốt. Tuy nhiên, nếu những ngành nghề đó không được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển của địa phương thì cũng rất khó để cho lao động nông thôn đã qua đào tạo cũng như cộng đồng dân cư có thể tổ chức và phát triển được vì thiếu sự hỗ trợ về chính sách và những hỗ trợ cần thiết khác. Do vậy, chính quyền địa phương cần có chương trình, kế hoạch phát triển những ngành nghề mũi nhọn và có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển. Mặt khác, ngay từ khi xác định nhu cầu, mở ngành nghề đào tạo, chính quyền địa phương và các cơ sở đào tạo phải có sự liên hệ, trao đổi và liên kết để tạo ra được hệ thống thống nhất từ kế hoạch - nhu cầu - đào tạo - hỗ trợ và giải quyết việc làm cho người lao động.

Thứ năm: Người lao động qua đào tạo vốn đã khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm bởi sự chia cắt địa lý, điều kiện của hộ cũng như thiếu đi những hỗ trợ từ phía chính quyền. Do vậy, sau khi được đào tạo cần có những hỗ trợ về giải quyết việc làm, đặc biệt là việc làm tại chỗ. Theo đó, muốn nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cần có những hoạt động giới thiệu, giải quyết việc làm phù hợp, đồng thời có những hỗ trợ, ưu đãi về chính sách, cơ hội, nguồn lực cho người lao động sau khi được đào tạo có được việc làm phù hợp hoặc tự tạo việc làm, phát triển sản xuất-kinh doanh để nâng cao thu nhập cho bản thân và cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn bao gồm nhiều khía cạnh từ góc nhìn khác nhau và từ những chủ thể khác nhau. Thực tiễn nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk chủ yếu phân tích trên các khía cạnh từ phía nhà quản lý, phía cơ sở đào tạo, phía người lao động và từ phía đơn vị

sử dụng lao động. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ở mỗi góc nhìn khác nhau thì hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh đều có hiệu quả nhất định, tuy vậy, hiệu quả của công tác này trên địa bàn tỉnh dù theo giác độ nào đi chăng nữa đều còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu và kỳ vọng, tồn tại nhiều nguyên nhân và những khó khăn khó giải quyết. Do vậy, muốn nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh cần: Làm tốt công tác xác định nhu cầu từ số lượng, đối tượng, loại hình ngành nghề đào tạo; Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua quan tâm đến công tác xây dựng chương trình khung linh hoạt để các cơ sở đào tạo tự chủ động đề xuất ngành nghề đào tạo. Bên cạnh đó, đầu tư cơ sở vật chất, tài chính, giáo viên cả về số lượng và chất lượng, gắn đào tạo với nhu cầu của thực tiễn; Xây dựng và đào tạo những ngành nghề mới phù hợp với xu thế và lợi thế của từng địa phương; Gắn đào tạo với chương trình, kế hoạch phát triển của vùng, địa phương để giải quyết việc làm tại chỗ; Thực hiện tốt công tác tư vấn, giới thiệu giải quyết việc làm và ưu đãi, hỗ trợ người lao động sau đào tạo tự tạo việc làm và mở rộng sản xuất - kinh doanh...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2018). Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2017 và kế hoạch giai đoạn 2018-2020.
- Oxfam (2017). Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn hướng đến giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số - Tổng hợp kết quả khảo sát tại Lào Cai, Hòa Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Đắk Nông, Ninh Thuận, Trà Vinh, Nhà xuất bản Hồng Đức. tr. 29-30.
- Phạm Đức Chính (2017). Quản lý Nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Luận văn thạc sĩ Quản lý công. Học viện Hành chính quốc gia.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Đắk Lắk (2017, 2018, 2019). Báo cáo kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh các năm 2017, 2018, 2019.
- Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk (2017, 2018, 2019). Báo cáo đánh giá cung-cầu lao động các năm 2016, 2017, 2018.
- UBND tỉnh Đắk Lắk (2016). Quyết định số 2814/QĐ-UBND về Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017-2020